

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 451/2026/DS - PT
Ngày 14 - 5 - 2026
“V/v Tranh chấp đòi lại đất bị
lấn chiếm và yêu cầu hủy Giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phương

Các Thẩm phán:

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 226/2026/TLPT – DS ngày 13 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp đòi lại đất bị lấn chiếm và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2025/DS - ST, ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 505/2026/QĐPT - DS ngày 30 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 477/2026/QĐ-PT ngày 23/4/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Dương Thị B; Sinh năm: 1967 (Có mặt).

2.1. Ông Châu Văn P; Sinh năm: 1968 (Vắng mặt, có đơn xin vắng).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp N, xã T, thành phố Cần Thơ).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lý Hoàng L; Sinh năm: 1965 (Có mặt).

2.2. Bà Lâm Thị Cẩm H; Sinh năm: 1968 (Vắng mặt, có đơn xin vắng).

Cùng địa chỉ: Số E, ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là số E, ấp C, xã T, thành phố Cần Thơ).

3. *Người có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ.

- *Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ* (Theo Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 9 năm 2025): Ông Võ Quốc H1; Sinh năm: 1987 (Có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: Ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Dương Thị B và ông Châu Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là bà Dương Thị B và ông Châu Văn P trình bày:

Bà Dương Thị B và ông Châu Văn P có thửa đất có diện tích là 7.590,0m², thuộc thửa đất số 458, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 0604, cấp ngày 16/07/2002, đứng tên hộ ông Châu Văn P. Vào năm 2002, bà Dương Thị B và ông Châu Văn P nhận chuyển nhượng đất từ ông Lý Văn H2. Hiện tại, bà Dương Thị B và ông Châu Văn P đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này.

Sau khi nhận chuyển nhượng bà Dương Thị B và ông Châu Văn P sử dụng và quản lý thửa đất cho đến năm 2020, thì phát hiện thửa đất của ông, bà đã bị ông Lý Hoàng L và bà Lâm Thị Cẩm H (ông L và bà H là vợ chồng) tự ý nhỏ cọc ranh, lấn sang thửa đất của ông, bà về phía Bắc có chiều ngang 03 m x chiều dài 60 m, diện tích là 180 m². Thấy ông L và bà H đã lấn qua ranh đất của ông, bà, nên ông, bà có yêu cầu địa chính xuống đo đạc để xác định lại ranh đất, nhưng ông L không đồng ý. Bà Dương Thị B và ông Châu Văn P cũng có làm đơn hòa giải gửi lên Ủy ban nhân dân thị trấn T, nhưng sự việc hòa giải không thành. Hiện tại, bà Dương Thị B và ông Châu Văn P đang sử dụng thửa đất này và đang xảy ra tranh chấp ranh đất với ông Lý Hoàng L và bà Lâm Thị Cẩm H.

Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết thì bà Dương Thị B và ông Châu Văn P phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE052103, số cấp CH01695, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 19/9/2016 cho ông Lý Hoàng L và bà Lâm Thị Cẩm H thửa đất số 43, tờ bản đồ số 48, diện tích 4904.9m² đất tọa lạc tại ấp

Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, bà Dương Thị B và ông Châu Văn P hoàn toàn không có ký tứ cận cho ông L, chữ ký trong hồ sơ cấp đất cho ông L đối với phần giáp ranh với đất bà Dương Thị B và ông Châu Văn P không đúng chữ ký của ông Châu Văn P. Hiện nay, phần đất thuộc thửa đất số 458 của bà Dương Thị B và ông Châu Văn P được điều chỉnh tách thành 02 thửa đất, nhưng diện tích mỗi thửa đất bao nhiêu thì bà B và ông P không biết, chỉ biết là đất của bà B và ông P khi chuyển nhượng đất của ông Lý Văn H2 thì có cạnh giáp ranh đất ông L và bà H có chiều ngang là 33m x dài là 54m, nay bà B và ông P phát hiện cạnh giáp ranh đất ông L và bà H bị mất đi phần chiều ngang là 03m. Do đó, bà B và ông P cho rằng khi ông L và bà H khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã làm chồng lên phần đất của bà B và ông P là 03m, việc ông L, bà H làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà B và ông P không hay biết, vì ông, bà không có ký giáp ranh tứ cận.

Theo đơn khởi kiện và khởi kiện (bổ sung), bà Dương Thị B và ông Châu Văn P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Lý Hoàng L và bà Lâm Thị Cẩm H phải có nghĩa vụ trả lại cho gia đình bà Dương Thị B và ông Châu Văn P phần diện tích đất đã chiếm có chiều ngang 03 m x chiều dài 60 m, diện tích 180 m², thuộc 01 phần thửa đất có diện tích là 7.590,0 m², thuộc thửa đất số 458, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện L (nay là thị trấn T, huyện T), tỉnh Sóc Trăng.

- Yêu cầu Toà án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE052103, số cấp CH01695, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 19/9/2016 cho ông Lý Hoàng L và bà Lâm Thị Cẩm H đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 48, diện tích 4904.9m² đất tọa lạc tại ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ).

Nhưng qua đo đạc thực tế thì phần đất tranh chấp hiện nay có diện tích là 188,9m². Đồng thời, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L và bà H thì phần đất này chỉ có 01 thửa đất duy nhất. Do đó, tại phiên tòa đồng nguyên đơn là bà Dương Thị B và ông Châu Văn P xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và khởi kiện (bổ sung), cụ thể:

- Buộc ông Lý Hoàng L và bà Lâm Thị Cẩm H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Dương Thị B và ông Châu Văn P phần đất đã chiếm có diện tích 188,9 m², thuộc 01 phần thửa đất có diện tích là 7.590,0 m², thuộc thửa đất số 458, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cũ (nay là Đ, xã T, thành phố Cần Thơ).

- Yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE052103, số cấp CH01695, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 19/9/2016 cho ông Lý Hoàng L và bà Lâm Thị Cẩm H đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 48, diện tích 4904.9m² đất tọa lạc tại ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Lý Hoàng L trình bày: Ông L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P và bà B, vì đất của ông L có ranh giới rõ ràng, đất ông cũng đã được Ủy ban nhân dân huyện T cũ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, nhưng vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T

Tại Bản án sơ thẩm số 98/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và khởi kiện (bổ sung) của đồng nguyên đơn bà Dương Thị B và ông Châu Văn P về việc yêu cầu:

- Buộc ông Lý Hoàng L và bà Lâm Thị Cẩm H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Dương Thị B và ông Châu Văn P phần đất đã chiếm có diện tích 188,9 m², thuộc 01 phần thửa đất có diện tích là 7.590,0 m², thuộc thửa đất số 458, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ).

- Yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE052103, số cấp CH01695, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 19/9/2016 cho ông Lý Hoàng L và bà Lâm Thị Cẩm H đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 48, diện tích 4.904,9m² đất tọa lạc tại ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn ông Châu Văn P và bà Dương Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án và sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa nhận định từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Dương Thị B và ông Châu Văn P. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:* Nguyên đơn bà Dương Thị B và ông Châu Văn P khởi kiện bị đơn ông Lý Văn L1 và bà Lâm Thị Cẩm H có hành vi lấn chiếm đất của nguyên đơn chiều ngang 03 m x dài 60m, tổng diện tích 180m². Nguyên đơn yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE052103, số cấp CH01695, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 19/9/2016 cho ông Lý Hoàng L và bà Lâm Thị Cẩm H. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp đòi lại đất bị lấn chiếm và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” là đúng theo quy định tại khoản 2, 9 Điều 26 và Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) (sau đây được viết tắt là Bộ luật Tố tụng dân sự). Phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ, căn cứ vào quy định điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] *Về thủ tục kháng cáo:* Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo đúng quy định tại các điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo kết quả đo đạc thực tế phần đất tranh chấp tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 30/8/2024 của Văn phòng Đ1, có diện tích 188,9m². Phần đất tranh chấp có một phần thuộc thửa số 458, tờ bản đồ số 3, thửa mới thửa số 6, tờ bản đồ số 48 của nguyên đơn bà Dương Thị B và ông Châu Văn P; một phần nằm ở thửa số 88, tờ bản đồ số 48 của bị đơn ông Lý Văn L1 và bà Lâm Thị Cẩm H.

[2.1] Nguyên đơn bà Dương Thị B và ông Châu Văn P cho rằng đất của ông bà thửa số 458, tờ bản đồ số 3 đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0604, ngày 16/7/2002 do ông P đứng tên chủ hộ, có diện tích 7590,0m². Hiện nay, đất của nguyên đơn đã được tách thành 02 thửa, thửa số 06 và thửa số 10 tờ bản đồ số 48. Theo Quyết định thu hồi đất số 179/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi đất của nguyên đơn có diện tích 260,8m², tại thửa số 6, tờ bản đồ số 68, để thực hiện dự án công trình đường trục đô thị và ANQP khu vực thị trấn Trần Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, bà B và ông P không xác định thửa đất số 6 và thửa đất số 10 có diện tích bao nhiêu. Ông bà cho rằng bị đơn lấn chiếm đất nhưng không có chứng cứ chứng minh đất của ông bà bị lấn chiếm từ vị trí nào, ông bà chỉ ranh không chính xác dẫn đến đất của ông bà qua đo đạc thực tế tại thửa số 6, tờ bản đồ 48 chỉ có diện tích 1654,2m². Nếu cộng luôn cả phần đất tranh chấp 188,9m² thì tổng diện tích đất của bà B và ông P là 1874,1m².

[2.2] Thửa đất của ông Lý Văn L1 và bà Lâm Thị Cẩm H là thửa đất số 43 (88), tờ bản đồ số 48, diện tích 4.904,9m². Ông L1 và bà H đã chỉ đúng vị trí và diện tích phần đất ông L1 và bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất của ông L1 và bà H sau khi bị thu hồi 629,6m², đã chuyển nhượng cho người khác 03 lần với diện tích 1.545,6m², còn lại diện tích trên giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.729,7m²; sau khi đo đạc thực tế diện tích đất của ông L1, bà H còn lại là 2.663,1m² là bao gồm cả phần diện tích đất tranh chấp là 188,9m². Qua diện tích đo đạc thực tế, diện tích đất của ông L1 và bà H vẫn còn thiếu so với diện tích được cấp trên giấy dù đã cộng cả phần đất tranh chấp. Do đó, việc ông P và bà B cho rằng ông L1, bà H lấn chiếm đất của bà B và ông P là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn cả về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn tranh chấp đất đai với bị đơn là loại tranh chấp không có giá ngạch theo quy định tại điểm điểm a khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó cấp sơ thẩm xác định loại án tranh chấp có giá ngạch là không đúng với quy định, cần rút kinh nghiệm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Dương Thị B và ông Châu Văn P. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 98/2025/DS-ST ngày 25-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và khởi kiện (bổ sung) của đồng nguyên đơn bà Dương Thị B và ông Châu Văn P về việc yêu cầu:

- Buộc ông Lý Hoàng L và bà Lâm Thị Cẩm H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Dương Thị B và ông Châu Văn P phần đất đã chiếm có diện tích 188,9 m², thuộc 01 phần thửa đất có diện tích là 7.590,0 m², thuộc thửa đất số 458, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ).

- Yêu cầu Toà án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE052103, số cấp CH01695, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 19/9/2016 cho ông Lý Hoàng L và bà Lâm Thị Cẩm H đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 48, diện tích 4.904,9m² đất tọa lạc tại ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Dương Thị B và ông Châu Văn P phải cùng có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 14.603.668 đồng (*Mười bốn triệu sáu trăm lẻ ba nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng*); Số tiền này bà Dương Thị B và ông Châu Văn P đã nộp tạm ứng theo phiếu thu số T25 ngày 07/3/2024 và phiếu thu T00102, ngày 08/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ); Như vậy, bà Dương Thị B và ông Châu Văn P đã nộp xong tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; Ông Lý Hoàng L và bà Lâm Thị Cẩm H không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn bà Dương Thị B và ông Châu Văn P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00022620 ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ), thành án phí phải chịu.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc nguyên đơn bà Dương Thị B và ông Châu Văn P phải chịu mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà B và ông P 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0004776, ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 9 – Cần Thơ;
- PTHADS khu vực 9 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Phụng

